Name: ..... Class: 3 ....

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (11 - 15/10/2021)

Thời gian	Nội dung học Unit 3 – Reading 1 and Grammar 1
Thứ 2 (11/10)	**Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo 3 lần** Con mở "**Track 1**" để nghe bài.  ..... campsite  ..... blanket  ..... sleeping bag  ..... camping stove  ..... flashlight  ..... compass  ..... set up a tent  ..... make a fire  ..... clean up  ..... get lost

LIVEWORKSHEETS

Thứ 3 (12/10)	**1) Nghe truyện trang 40+41 – Student book.** Con mở "**Track 2**" để nghe bài.  **2) Gạch chân các động từ Quá khứ có quy tắc (-ed) ở trong truyện (cooked, stopped…)**
Thứ 4 (13/10)	**1) Nghe và đọc truyện trang 40+41 – Student book** Con mở "**Track 2**" để nghe bài.  **2) Làm phiếu số 1 trên** https://www.liveworksheets.com/workbooks/

LIVEWORKSHEETS

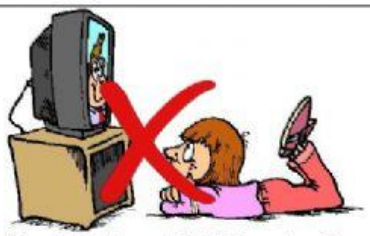
Thứ 5
(14/10)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở "**Track 3**" để nghe bài.

1 **What did you do yesterday?**  **I walked the dog.**	2 **What did she do yesterday?**  **She picked some flowers.**
3 **What did he do yesterday?**  **He played video games.**	4 **What did they do yesterday?**  **They played on the sand.**

LIVEWORKSHEETS

	2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần) Con mở "**Track 4**" để nghe bài. 1  **I didn't surf yesterday.** 2  **She didn't watch TV yesterday.** 3  **3. He didn't look at birds yesterday.** 4  **4. They didn't walk up the hill yesterday.** **3) Làm phiếu số 2 trên** https://www.liveworksheets.com/workbooks/
Thứ 6 (15/1)	**Làm bài trên Teams.**

˜ THE END ˜

LIVEWORKSHEETS